

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 200/2024/DS-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng
tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

Bà Trần Thị Thùy Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thức là Tẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 226/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Viết tắt là Ngân hàng). Địa chỉ trụ sở chính: Số 130 PDL, Phường B, quận PN, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1997, Chức vụ: Nhân viên kinh doanh (Theo Quyết định ủy quyền số: 28/QĐ-STG ngày 22/7/2024 của ông Phạm Minh T – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Sóc Trăng). Địa chỉ chi nhánh: Số 257 Quốc lộ 1A, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thanh X, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 235/1, đường Nguyễn Văn Linh, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/05/2024 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K trình bày:

Vào ngày 06/06/2017 Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Sóc Trăng và bà Trần Thanh X đã ký hợp đồng tín dụng với nội dung chi tiết như sau: Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007; Số tiền vay: 39.000.000 đồng; Lãi suất: 8,04%/năm (lãi quá hạn 1,5 lần lãi trong hạn); Thời hạn vay: 36 tháng (06/06/2017 đến ngày 06/06/2020); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu; Biện pháp đảm bảo: tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày 06/06/2017 đến ngày 13/05/2024 bà Trần Thanh X chỉ trả được tổng số tiền như sau: Vốn: 32.500.065 đồng; Lãi trong hạn: 9.194.935 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Tổng cộng: 41.695.000 đồng.

Do bà Trần Thanh X vi phạm HĐTD Điều 9 khoản 9.2 mục 9.2.4 “Thanh toán vốn gốc, lãi vay, các khoản tiền phạt và các khoản phí (nếu có) đầy đủ và đúng thời hạn” bắt buộc bà Trần Thanh X phải thanh toán dứt khoản nợ (bao gồm: vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn). Tính đến ngày 13/05/2024, bà Trần Thanh X còn nợ các khoản sau: Vốn 6.499.935 đồng; Lãi trong hạn: 211.865 đồng; Lãi quá hạn: 3.709.530 đồng. Tổng cộng: 10.421.330 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Trần Thanh X trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 26/9/2024 gồm: vốn 6.499.935 đồng; lãi trong hạn 211.865 đồng; lãi quá hạn 3.640.786 đồng; Tổng cộng: 10.352.586 đồng và tiền lãi tính trên số tiền vốn phát sinh từ ngày 27/9/2024 đến ngày bà Trần Thanh X trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo lãi suất quá hạn.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Theo đơn khởi kiện có nêu bà Trần Thanh X vi phạm hợp đồng tín dụng tại Điều 9 khoản 9.2 mục 9.2.4 là không đúng. Nay trình bày lại là bà Trần Thanh X vi phạm tại Điều 2 của Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007, ngày 06/6/2017 trong điều khoản và điều kiện cấp tín dụng.

Đối với bị đơn bà Trần Thanh X: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì. Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà Trần Thanh X không gửi văn bản cho Tòa án biết về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Trần Thanh X cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thanh X, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 235/1, đường Nguyễn Văn Linh, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Tuy nhiên, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn cư trú. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Bà Trần Thanh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt bà Trần Thanh X.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng và bà Trần Thanh X có giao kết Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007 ngày 06/6/2017 với nội dung Ngân hàng cho bà Trần Thanh X vay số tiền 39.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Lãi suất: 8,04%/năm (lãi quá hạn 1,5 lần lãi trong hạn); Thời hạn vay: 36 tháng (06/06/2017 đến ngày 06/06/2020); Mục đích vay: Tiêu dùng; Hình thức vay: vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu; Biện pháp đảm bảo: tín chấp.

[2.2] Trong quá trình vay từ ngày 06/6/2017 đến ngày 13/5/2024, bà Trần Thanh X chỉ trả được cho Ngân hàng tổng số tiền như sau: Vốn: 32.500.065 đồng; Lãi trong hạn: 9.194.935 đồng; Lãi quá hạn: 0 đồng; Tổng cộng: 41.695.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp Điều 2 của Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007, ngày 06/6/2017 trong điều khoản và điều kiện cấp tín dụng.

[2.3] Tại Điều 2 của Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007, ngày 06/6/2017 trong điều khoản và điều kiện cấp tín dụng của Ngân hàng thì bà X vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 26/9/2024 bà X còn nợ lại tổng cộng số tiền là **10.352.586 đồng**. Trong đó: **Vốn gốc 6.499.935 đồng; Lãi quá hạn : 3.640.786 đồng, lãi trong hạn: 211.865 đồng** là có căn cứ phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng vay số: 00867741-0131170801T17007, ngày 06/6/2017 trong điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cũng như phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

[2.4] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 27 tháng 9 năm 2024 cho đến khi bà X trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên được chấp nhận.

[2.5] Như đã phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 517.629 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thanh X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền vốn và lãi tính đến ngày 26/9/2024 còn nợ tổng cộng số tiền là **10.352.586 đồng**. Trong đó: vốn 6.499.935 đồng; lãi trong hạn 211.865 đồng; lãi quá hạn 3.640.786 đồng.

Kể từ ngày 27/9/2024 bà Trần Thanh X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà X phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001778 ngày 24/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn bà Trần Thanh X phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 517.629 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm